

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 11-12-2020

“*V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Khánh

Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Thế Phương

- Ông Nguyễn Quốc Khanh

Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Việt - Thư ký tòa án nhân dân huyện
Tĩnh Biên.

Đại diện Viên kiểm sát nhân dân huyện Tĩnh Biên tham gia phiên tòa: Bà
Nèang Sa Men – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Biên,
xét xử sơ thẩm công khai vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình thụ lý số:
401/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hôn
nhân và gia đình, ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
70/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Võ Yến Nh, sinh năm 1979, địa chỉ: Khóm Tr, thị trấn N,
Tĩnh Biên, An Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1972, địa chỉ: Khóm Tr, thị trấn N,
huyện Tĩnh Biên, tỉnh An Giang.

(*Chị Nh, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 10 năm 2020 và bản tự khai khai trong
quá trình giải quyết vụ án, chị Võ Yến Nh trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T quen biết, do tự tìm hiểu và được sự đồng ý của
hai bên gia đình tổ chức lễ cưới năm 1994 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời

gian đầu cuộc sống vợ chồng sống hạnh phúc và chỉ được trong khoảng thời gian ngắn, chị và anh T xảy ra nhiều mâu thuẫn và bất đồng trong quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt khoảng tháng 7/1998 chị và anh T sống ly thân cho đến nay. Trong khoảng thời gian sống ly thân, chị và anh T có gặp nhau nói chuyện hàn gắn vợ chồng nhưng không thành, nay tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung đều đã đủ tuổi trưởng thành tên Nguyễn Thị Yến Nh, sinh năm 1994 và Nguyễn Chí H, sinh năm 1998.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Theo bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Thống nhất với lời trình bày của chị Nh về điều kiện kết hôn, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do bất đồng trong quan điểm sống, anh thừa nhận hiện tại anh và chị Nh sống ly thân và con chung như chị Nh đã trình bày, nay chị Nh yêu cầu ly hôn với anh, anh đồng ý ly hôn với chị Nh vì anh và chị Nh không thể hàn gắn cuộc sống vợ chồng.

Về con chung: Anh và chị Nhân có 02 con chung đều đã đủ tuổi trưởng thành tên Nguyễn Thị Yến Nh, sinh năm 1994 và Nguyễn Chí H, sinh năm 1998.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên Tòa:

- Thẩm phán công bố bản tự khai của nguyên đơn, bị đơn.

- Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại Điều 48 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, theo quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng hôn nhân giữa chị Võ Yến Nh và anh Nguyễn Văn T do tự tìm hiểu và tổ chức lễ cưới, nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn. Do đó, căn cứ khoản 1 điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận chị Nh và anh T là vợ chồng.

Về con chung: Chị Nhân và anh T có 02 con chung tên Nguyễn Thị Yến Nh, sinh năm 1994 và Nguyễn Chí H, sinh năm 1998 đều đã đủ tuổi trưởng thành nên không đề cập xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Anh T là bị đơn, hộ khẩu thường trú: Khóm Trà Sư, thị trấn Nhà Bàng, huyện Tịnh Biên, An Giang. Căn cứ vào các Điều 28, 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Chị Võ Yến Nh và anh Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Yến Nh và anh Nguyễn Văn T tự tiện hiểu và được sự đồng ý của hai bên gia đình tổ chức lễ cưới năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn, chị cho rằng thời gian đầu cuộc sống vợ chồng sống hạnh phúc và chỉ được trong khoảng thời gian ngắn, chị và anh T xảy ra nhiều mâu thuẫn và bất đồng trong quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt khoảng tháng 7/1998 chị và anh T sống ly thân cho đến nay. Trong khoảng thời gian sống ly thân, chị và anh T có gặp nhau nói chuyện hàn gắn vợ chồng nhưng không thành, nay tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T, mặc dù hôn nhân giữa chị Nh và anh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có con chung, nhưng do hai người không có đăng ký kết. Theo qui định tại khoản 1 Điều 14 luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo qui định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng*”. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị Nh đối với anh T không được chấp nhận mà tuyên bố không công nhận chị Nh và anh T là vợ chồng.

[4] Về con chung: Chị Nh và anh T có 02 con chung tên Nguyễn Thị Yến Nh, sinh năm 1994 và Nguyễn Chí H, sinh năm 1998 đều đã đủ tuổi trưởng thành nên không đề cập xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nh và anh T cùng xác nhận là không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nh khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 147 và Điều 273

của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Võ Yến Nh và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Chị Võ Yến Nh chịu 300.000 (*ba trăm ngàn*) đồng, tiền án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: TU/2019/0005877 ngày 26/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Văn Khánh

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh An Giang;
- VKS.ND huyện Tịnh Biên;
- THA.DS huyện Tịnh Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Văn Khánh